TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: **46**/2025/HNGĐ-ST.*
Ngày 05/6/2025.
V/v:"Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đạo;
Ông Trương Văn Săng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Huỳnh Khánh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 về "Ly hôn" của Toà án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn:

Ông Trần Văn B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn B: Ông Trần Chí Tr – Luật sư văn phòng luật sư Lê Vũ Hồng H.

Bị đơn:

Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên toà, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2024, bản tự khai, các biên bản hoà giải và đơn xin xét xử vắng mặt của ông Trần Văn B, ông B có lời trình bày:

Ông và bà Bùi Thị Th tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại Uỷ ban nhân dân xã Bình T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc. Thời gian sau do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023. Ông B và bà Th không thể hoà

giải, hàn gắn và đã ly thân. Nay ông B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị Th cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trần Văn B yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị Th;

- Về con chung: Ông Trần Văn B và bà Bùi Thị Th có 02 con chung tên Trần Thị Anh Th1, sinh ngày 09/02/1992 và Trần Anh Th2, sinh ngày 12/04/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành nên ông B không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông B yêu cầu tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, nợ chung phải trả: Ông B khai không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc ngày 06/3/2025 và tại phiên toà hôm nay, bà Bùi Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông B tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gay gắt hay tranh cãi gì lớn. Bà không có xúc phạm tôn giáo hay cha, mẹ của ông B. Hiện tại, ông B vẫn thường xuyên đi đi về về nơi cư trú chung của ông, bà. Bà vẫn còn thương ông B và mong muốn được đoàn tụ với ông B để vợ, chồng hàn gắn, đoàn tụ. Con cái có đủ cha, đủ mẹ.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung là Trần Thị Anh T1, sinh ngày 09/02/1992 và Trần Anh Th2, sinh ngày 12/04/1995. Hiện các con đã trưởng thành và có thể tự chăm sóc bản thân.

Về tài sản chung: Do bà không đồng ý lý hôn nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung phải thu, nợ chung phải trả: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn B tranh luận:

Về hôn nhân: Ông Bửu, bà Th kết hôn đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà Th xúc phạm tôn giáo của ông B, hăm doạ ông B nếu không theo đạo của bà Th thì sẽ ly hôn. Bà Th thường xuyên xúc phạm cha, mẹ của ông B. Hiện ông B, bà Th đã ly thân nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Văn B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị Th. Quan hệ tranh chấp được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 22/01/2025 của Công an thị trấn Bình Đại đối với bà Bùi Thị Th và quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Bùi Thị Th có nơi cư trú tại khu phố 3, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre căn cứ vào các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn có mặt. Nguyên đơn ông Trần Văn B có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Toà án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt ông B là có cơ sở.

Phạm vi giải quyết vụ án, hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử căn cứ theo căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử các tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung giữa các đương sự.

[2].Về nội dung vụ án:

[2.1]. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:

Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy, ông Trần Văn B và bà Bùi Thị Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/1996. Qúa trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào cho rằng việc kết hôn này là trái quy định pháp luật nên hôn nhân của ông B và bà Th là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Ông Trần Văn B cho rằng giữa ông và bà Bùi Thị Th thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ, chồng không cùng quan điểm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mục đích hôn nhân giữa ông và bà Th không đạt được. Hiện tại ông, bà đã ly thân và không còn tình cảm vợ, chồng. Căn cứ theo Biên bản hoà giải ngày 15/5/2025 thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ, chồng của ông B, bà Th là do giữa ông, bà có khác biệt về tín ngưỡng, tôn giáo. Quá trình chung sống thì bà Th có xúc phạm cha, mẹ của ông B và đồng thời mâu thuẫn của giữa ông B và bà Th đã kéo dài hơn 02 năm nay.

Tại phiên toà hôm nay, bà Th không thừa nhận giữa bà và ông B có những mâu thuẫn vợ, chồng như ông B trình bày với Toà án và đồng thời bà Th vẫn có nguyện vọng được đoàn tụ với ông Trần Văn B để vợ, chồng hàn gắn tình cảm.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Bình Đại đã tống đạt thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ số 01/TB-TA ngày 24/02/2025 để yêu cầu ông B chứng minh "*về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*.". Tuy nhiên, ông B không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mà Toà án yêu cầu. Tại Biên bản hoà giải ngày 15/5/2025, ông B cũng thừa nhận tuy giữa ông

và bà Th có khác biệt về tín ngưỡng, tôn giáo nhưng bà Th không có hành vi xúc phạm tôn giáo, tín ngưỡng của ông B. Ông B cũng thừa nhận trong quá trình chung sống giữa vợ, chồng thì bà Th không có hành vi nào gây ảnh hưởng hay làm giảm sút uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông B với xã hội. Quá trình giải quyết vụ án ông B cho rằng bà Th thường xúc phạm cha, mẹ của ông B nhưng bà Th không thừa nhận lời trình bày này của ông B.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững. Ông Trần Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Th nhưng không cung cấp được các căn cứ ly hôn theo quy định tại 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc ông B xin vắng mặt và cương quyết ly hôn với bà Th không là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét đây là mâu thuẫn vợ, chồng trầm trọng giữa ông B, bà Th nên Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B với bà Th.

[2.2]. Về con chung: Ông B, bà Th khai thống nhất giữa ông, bà có 02 con chung Trần Thị Anh Th1, sinh ngày 09/02/1992 và Trần Anh Th2, sinh ngày 12/04/1995, hiện con chung đã trưởng thành nên ông B và bà Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông B yêu cầu tự thoả thuận với bà Th. Tuy nhiên, do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B đối với bà Th và bà Th không có yêu cầu tranh chấp về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ phải thu và nợ phải trả: Ông B, bà Th thống nhất khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Tuy nhiên, do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B đối với bà Th và bà Th không có yêu cầu tranh chấp về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí, do yêu cầu khởi kiện của ông B không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí số 0008173 ngày 23/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận ông B đã nộp xong.

Luận cứ bảo vệ của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông B không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35, 39, 91, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Cụ thể tuyên:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn B đối với bà Bùi Thị Th.

2. Về án phí, ông Trần Văn B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000(Ba trăm nghìn)đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng được thu theo biên lai số 0008173 ngày 23/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận ông B đã nộp xong.

Đương sự có măt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tống đạt theo đúng quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (Báo cáo);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Bình Thắng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Ngọc

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trương Văn Săng Lê Văn Đạo

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thành Ngọc

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Dương Thị Thanh Thúy **Nguyễn Thị Hiền**

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thành Ngọc